

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2022/HNGĐ-PT

Ngày 07-01-2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Bà Thái Thị Phi Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLPT- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, nuôi con chung

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2021/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2021/QĐXXPT-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Phạm H - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà với ông Phạm H kết hôn năm 2019, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ bà ở thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống tại nhà cha mẹ đẻ, thì giữa ông H và ba mẹ bà D có nhiều lần xung đột về lời nói. Sau khi sinh bé trai được hai tháng, giữa hai vợ chồng phải ra thuê phòng trọ ở bốn tháng, trong thời gian ở trọ vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã; ông H thường xuyên có lời nói, hành động đe dọa bà và con. Sau bốn tháng sống chung ở ngoài, hai vợ chồng lại về nhà cha mẹ đẻ của bà D sinh sống. Tại đây, ông H tiếp tục có những hành động, lời nói xúc phạm gia đình bà và bỏ con bỏ đi từ ngày 14/5/2021. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay. Nay bà D xác định không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu Tòa án cho được ly hôn với ông Phạm H.

- *Về con chung:* Bà và ông Phạm H có một con chung tên Phạm Ngọc T, sinh ngày 18/6/2020. Ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết do không có nợ chung.

*** Bị đơn ông Phạm H trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông H xác định, ông với bà Nguyễn Thị Thùy D kết hôn năm 2019, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng ông sống chung tại nhà cha mẹ bà D ở thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống tại nhà cha mẹ vợ, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Mâu thuẫn xảy ra khi cha mẹ vợ cho mảnh đất để hai vợ chồng xây nhà, nhưng cha vợ lại giành quyền định đoạt về việc xây dựng, bố trí phòng ốc trong nhà, gia đình vợ không tôn trọng ý kiến của ông, dẫn đến mâu thuẫn nên vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay.

Theo ông, việc bà D xin ly hôn ông là vì 03 lý do sau: Bà D chịu sự tác động từ gia đình bên vợ, mê tín dị đoan, ngoại tình. Mặc dù vậy, nhưng bà D yêu cầu ly hôn thì ông có ý kiến như sau:

Nếu bà D giao con cho ông nuôi dưỡng thì ông đồng ý ly hôn.

Nếu bà D không giao con cho ông nuôi dưỡng thì ông không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Ông với bà Nguyễn Thị Thùy D có một con chung tên Phạm Ngọc T, sinh ngày 18/6/2020. Trường hợp ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ các Điều 147, 266, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy D đối với ông Phạm H về việc “Ly hôn, *tranh chấp nuôi con chung*”.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với ông Phạm H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Phạm Ngọc T, sinh ngày 18/6/2020 cho bà Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ bà D đã nộp tại biên lai thu số 0008267 ngày 02/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, thành phố Đà Nẵng. Bà D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn thông báo về quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/10/2021, bị đơn ông Phạm H kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2021/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021

của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng. Ông H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, ông và bà D chỉ có mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống, vợ chồng ông vẫn còn tình cảm và tôn trọng nhau. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông đều mong muốn được đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái khôn lớn. Ông đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng: Hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, đồng thời cho hai vợ chồng ông cơ hội được đoàn tụ với nhau.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Phạm H giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2021/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng. Án phí các đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Phạm H kết hôn vào ngày 22/8/2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ bà D tại thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Theo bà D, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có nhiều mâu thuẫn, hai bên gia đình cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả, ông H dùng lời lẽ không lễ phép, xúc phạm ba mẹ bà. Để gần gũi tình cảm vợ chồng, sau khi sinh con được hai tháng, vợ chồng ra thuê phòng trọ ở riêng, trong thời gian này vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Sau bốn tháng sống ở ngoài, hai vợ chồng lại quay về nhà cha mẹ đẻ của bà D sinh sống. Tại đây, ông H tiếp tục có những hành động, lời nói xúc phạm gia đình bà và bỏ con bỏ đi từ ngày 14/5/2021 và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay.

Còn theo ông H: Mâu thuẫn xảy ra khi cha mẹ vợ cho mảnh đất để hai vợ chồng xây nhà, nhưng cha vợ lại giành quyền định đoạt về việc xây dựng, bố trí phòng ốc trong nhà, gia đình vợ không tôn trọng ý kiến của ông, dẫn đến mâu thuẫn nên vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Ông H thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như bà D trình bày, ông hứa thay đổi, ông thiết tha Tòa án hòa giải, động viên để vợ chồng đoàn tụ.

Xét kháng cáo của ông H xin đoàn tụ, HĐXX nhận thấy: Ông H và bà D sống chung với nhau thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, đã thay đổi nơi ở để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả, từ tháng 5/2021 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn sơ thẩm đến phúc thẩm hôm nay, mặc dù ông H thiết tha xin đoàn tụ, đã xin lỗi bà D, cam kết thay đổi, nhưng bà D vẫn cương quyết xin ly hôn. HĐXX cũng đã hòa giải, động viên, phân tích để bà D tạo cơ hội cho ông H có thời gian sửa đổi khuyết điểm, vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà D vẫn không đồng ý. Bà D cho rằng trước đây bà đã nhiều lần tha thứ và tạo cơ hội cho ông H, nhưng bản chất ông H không thay đổi, quan điểm sống giữa bà và ông H hoàn toàn không hợp, cho dù Tòa án không cho ly hôn, bà vẫn không quay về chung sống với ông H được nữa. HĐXX nhận thấy hạnh phúc gia đình phải do cả hai vợ chồng cùng nhau xây dựng, ông H xin đoàn tụ, bà D cương quyết ly hôn, mục đích hôn nhân giữa ông H và bà D đã không đạt được. Vì vậy, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H về việc hủy bản án sơ thẩm để vợ chồng đoàn tụ, cần giữ nguyên án sơ thẩm, cho bà D được ly hôn với ông H là có căn cứ.

[2] Về con chung: Bà D và ông H xác nhận, có 01 con chung tên là Phạm Ngọc T, sinh ngày 18/6/2020.

Xét thấy, cháu Phạm Ngọc T tính đến ngày xét xử sơ thẩm mới 01 tuổi 04 tháng 09 ngày, còn quá nhỏ, nên cần có sự chăm sóc từ người mẹ, bà D có điều kiện để chăm sóc con, nên cấp sơ thẩm đã quyết định giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông H không cấp dưỡng nuôi con chung do bà D không có yêu cầu.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng thấy phù hợp với nhận định của HĐXX.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng bà D đã nộp tại biên lai thu số 8267 ngày 02/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, thành phố Đà Nẵng. Bà D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Phạm H không được cấp phúc thẩm chấp nhận, giữ nguyên án sơ thẩm, nên ông Phạm H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm ông H đã nộp theo biên lai thu số 0004076 ngày 09/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, thành phố Đà Nẵng. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2021/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy D đối với ông Phạm H về việc “Ly hôn, *tranh chấp nuôi con chung*”.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với ông Phạm H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Phạm Ngọc T, sinh ngày 18/6/2020 cho bà Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Phạm H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị Thùy D không có yêu cầu.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng bà D đã nộp tại

biên lai thu số 8267 ngày 02/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, thành phố Đà Nẵng. Bà D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm H phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông H đã nộp theo biên lai thu số 0004076 ngày 09/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, thành phố Đà Nẵng. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng
- Chi cục THADS huyện H
- TAND huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng